TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/DS - ST
Ngày: 31 – 3 – 2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang.**

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông **Nguyễn Văn Sơn.**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng.**

Thư ký phiên toà: Cô **Trần Thái Minh Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **L Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-DS ngày 25-02-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Nguyễn Lệ T1,** sinh năm 1988 (có mặt);

  Địa chỉ: số 2/2C khu dân cư khu vực 7, phường B, quận K, thành phố T.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Hồng L**, sinh năm 1981 (vắng mặt);

  Địa chỉ: 1C/2C khu dân cư khu vực 7, phường B, quận K, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn bà T1 trình bày:

Thông qua mối quan hệ láng giềng nên vào ngày 16 tháng 3 năm 2021 và ngày 10 tháng 6 năm 2021, bà có cho bà Phạm Thị Hồng L mượn lần lượt số tiền là 40.000.000đ và 20.000.000đ. Tổng số tiền mà bà cho bà L mượn là 60.000.000đ, bà L có hứa là một tháng sau lần mượn thứ hai, tức là ngày 10 tháng 7 năm 2021 sẽ trả đủ số tiền của cả hai lần mượn. Tuy nhiên, đến nay bà L vẫn không trả cho bà, dù bà đã

liên hệ nhiều lần. Vì vậy, bà yêu cầu tòa án nhân dân quận K buộc và phạm Thị Hồng L phải có trách nhiệm trả nợ gốc lãi suất và lãi chậm trả cho bà theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Hồng L vắng mặt không có lý do.

Tại phiên toà hôm nay:

Nguyên đơn bà T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu tòa án buộc bà L phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 60.000.000đ và trả lãi quá hạn, lãi yêu cầu theo quy định của pháp luật và tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án trên tổng số tiền nợ cho đến khi thi hành xong tất cả các nghĩa vụ trả nợ cho bên nguyên đơn. Nguyên đơn đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Các bên tranh chấp từ khoản tiền nợ do vay tiền, bị đơn còn nợ nguyên đơn và chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Toà án nhân dân quận K thụ lý là đúng thẩm quyền và xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ của bị đơn, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải, xét xử.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện. Xét chứng cứ là 02 biên nhận nợ ngày 16/3/2021 và ngày 10/6/2021 thể bị đơn có mượn của nguyên đơn 60.000.000 đồng (lần 1: 40.000.000 đồng và lần 2: 20.000.000 đồng). Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc là có căn cứ. Đối với yêu cầu tính lãi suất thấy rằng các biên nhận không thể hiện thỏa thuận thời hạn trả nợ và không thỏa thuận về lãi suất. Do vậy, xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là ngày nguyên đơn có đơn khởi kiện để làm căn cứ tính lãi suất và do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 357 BLDS năm 2015.

Do vậy:

Đề xuất xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và lãi suất 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng tính từ 19/01/2022 đến ngày 31/3/2022. Buộc bị đơn tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi trả xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn.

Trên đây là ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý*: Giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn thể hiện bằng biên nhận nợ, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi. Do vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và do bị đơn đang cư trú tại địa bàn quận K, thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện việc nguyên đơn bà Võ Nguyễn Lệ T1 và bị đơn bà Phạm Thị Hồng L có giao dịch vay mượn thể hiện bằng "*Biên nhận*" ngày 16/3/2021 với số tiền cho mượn là 40.000.000 đồng và "*Biên nhận nợ*" ngày 10/6/2021 với số tiền nợ là 20.000.000 đồng, 02 biên nhận vừa nêu trên không có công chứng, chứng thực. Tuy nhiên quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã triệu tập hợp lệ để bị đơn thực hiện các quyền lợi của mình nhưng bị đơn vẫn không đến, Tòa án cũng đã xác minh tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, xác định bị đơn có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng bị đơn bỏ đi không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ. Như vậy, việc bị đơn bỏ đi là cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục niêm yết tại địa phương và tại nơi cư trú nhiều lần nhưng bị đơn cố tình không đến. Tại phiên tòa nguyên đơn đã xuất trình được bản gốc của 02 biên nhận nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc buộc bị đơn trả số nợ gốc 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*) là có căn cứ.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng, theo các biên nhận không thể hiện có thỏa thuận về lãi suất. Nguyên đơn trình bày rằng cả hai bên có thỏa thuận sau 01 tháng kể từ ngày nhận nợ lần 2 bị đơn sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền nợ của hai lần mượn nợ nhưng bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận. Tuy nhiên, việc thỏa thuận về thời gian trả nợ không được thể hiện trong biên nhận nợ và bị đơn vắng mặt nên không xem xét lời trình bày này của nguyên đơn. Do vậy thời gian tính lãi sẽ được tính kể từ nguyên đơn có đơn khởi kiện là ngày 19/01/2022. Lãi suất được tính theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, lãi được tính là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng. Lãi cụ thể tính từ là 19/01/2022 đến ngày 31/3/2022 là 02 tháng 12 ngày, lãi tương ứng: 60.000.000 đồng x 0,83% x 02 tháng 12 ngày = làm tròn là 1.195.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng). Ngoài ra, nguyên đơn có yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thi hành xong các khoản nợ cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích vừa nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận K, thành phố T là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền nợ gốc và lãi phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật là 61.195.000 đồng, án phí tương ứng: 61.195.000 đồng x 5% = 3.059.750 đồng *(ba triệu không trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng)*.

Nguyên đơn bà Võ Nguyễn Lệ T1 được nhận lại 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001569 ngày 19/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận K, thành phố T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Nguyễn Lệ T1 đối với bị đơn bà Phạm Thị Hồng L. Buộc bà Phạm Thị Hồng L có nghĩa vụ trả cho bà Võ Nguyễn Lệ T1 số tiền nợ gốc là 60.000.000đồng (*sáu mươi triệu đồng*) và lãi 1.195.000 đồng (***bốn triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng*****)**.

Bị đơn bà Phạm Thị Hồng L còn phải chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án trên tổng số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản nợ cho nguyên đơn **Bà** Võ Nguyễn Lệ T1 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Phạm Thị Hồng L phải chịu: 3.059.750 đồng *(ba triệu không trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm năm mươi đồng)*. Nguyên đơn bà Võ Nguyễn Lệ T1 được nhận lại 1.500.000 đồng (*một triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001569 ngày 19/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận K, thành phố T.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTPCT;*
- *VKSNDQNK;*
- *THADSQNK;*
- *Các đs;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG